

Bà Rịa, ngày 11 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Năm 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500701305
- Vốn điều lệ: 604.856.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn tỷ, tám trăm năm mươi sáu triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 604.856.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn tỷ, tám trăm năm mươi sáu triệu đồng)
- Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, phường Long Hương - Thành phố Bà Rịa - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Số điện thoại: 0642. 212 811;
- Số fax: 0643.825 985
- Website: www.btp.com.vn
- Mã cổ phiếu: BTP
- *Quá trình hình thành và phát triển:*
 - + Nhà máy Điện Bà Rịa (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa) được thành lập theo quyết định số 640 NL/TCCB-LĐ của Bộ Năng lượng vào ngày 24/12/1992, là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực 2 thuộc Bộ Năng lượng.
 - + Kể từ ngày 01 tháng 04 năm 1995 Nhà máy chuyển thành đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (theo quyết định số 102 NL/TCCB-LĐ ngày 04/06/1995 của Bộ Năng lượng), hạch toán phụ thuộc.
 - + Ngày 30/03/2005 Bộ Công nghiệp có quyết định số 14/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Bà Rịa thành Công ty Nhiệt điện Bà Rịa, hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 18/5/2005, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-TCKT hướng dẫn bàn giao tài chính khi chuyển các nhà máy điện thành công ty hạch toán độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Bà Rịa chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01 tháng 07 năm 2005.
 - + Thực hiện Quyết định số 3944/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Bà Rịa đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 3500701305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp đổi Mã số doanh

nghiệp ngày 20/5/2009, thay đổi lần thứ 3 ngày 08/10/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 24/9/2012.

CÁC SỰ KIỆN CHÍNH

Năm	Sự kiện
04/3/1995	Thành lập nhà máy điện Bà Rịa theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Năng lượng thuộc Công ty Điện lực 2 về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.
17/11/2009	Niêm yết cổ phiếu
8/1992	Tổ máy GT1 và GT2 được đưa vào vận hành
01/1993	Tổ máy GT3 và GT4 được đưa vào vận hành
01/1994	Tổ máy GT5; GT6 và GT7 được đưa vào vận hành
5/1996	Tổ máy GT8 được đưa vào vận hành
3/1999	Tổ máy GT5; GT6 và GT7 chuyển thành chu trình Tua bin khí hỗn hợp 306 – 1 (ST9) được đưa vào vận hành
02/2002	Tổ máy GT3; GT4 và GT8 chuyển thành chu trình Tua bin khí hỗn hợp 306 – 2 (ST10) được đưa vào vận hành
30/3/2005	Bộ Công nghiệp quyết định chuyển nhà máy nhiệt điện Bà Rịa thành Công ty Nhiệt điện Bà Rịa
29/12/2006	Bộ Công nghiệp có quyết định về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Nhiệt điện Bà Rịa thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
01/11/2007	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
12/5/2008	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy phép đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 01 cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
20/5/2009	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy phép đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 02 và cấp đổi mã doanh nghiệp cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
08/10/2010	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy phép đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 03 cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

01/6/2012	Bộ Công Thương có quyết định về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3
24/9/2012	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy phép đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 04 cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

- Các sự kiện khác: không có

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

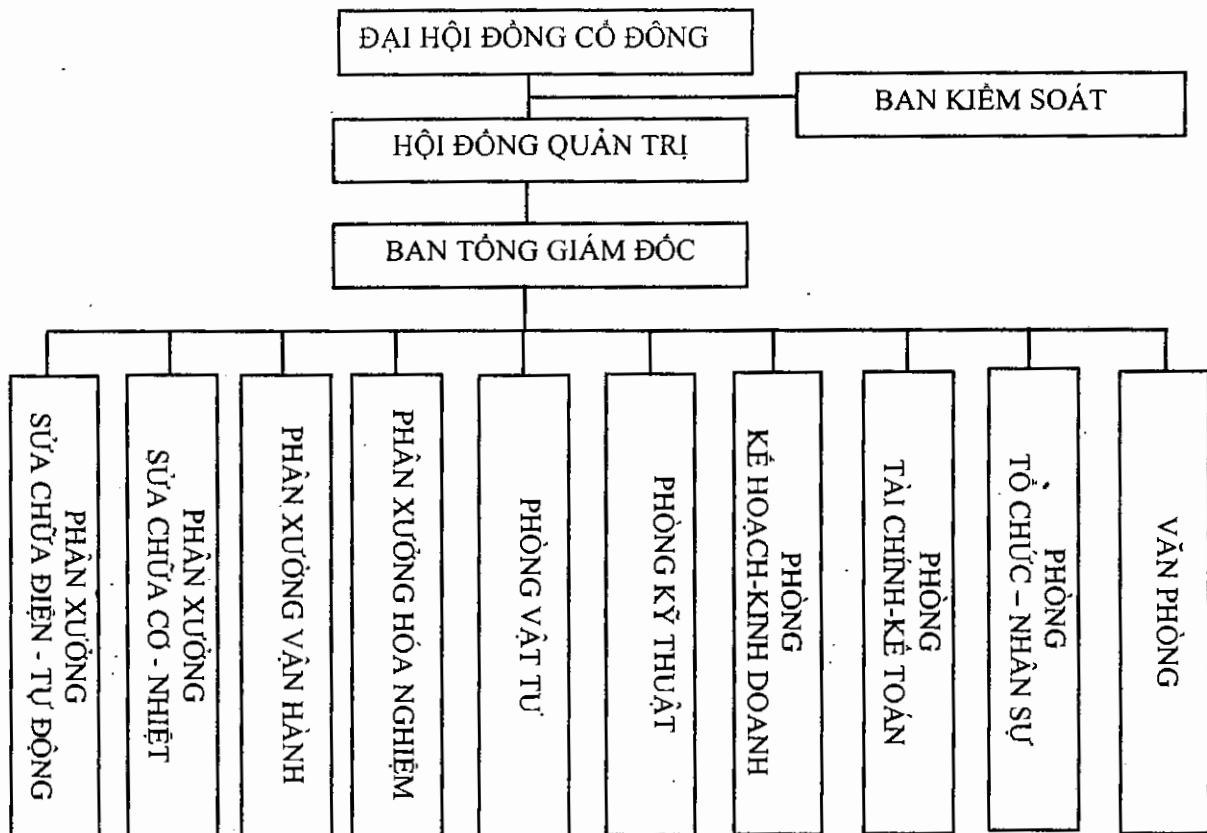
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh điện năng.

- Địa bàn kinh doanh: Khu phố Hương Giang - Phường Long Hương - Thành phố Bà Rịa - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị: Là một công ty Cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con: không có

+ Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

+ Địa chỉ: Số 79, Khối 8, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.

+ Vốn điều lệ thực góp: 83,75 tỷ đồng

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn: 25%

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế.

+ Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia;

+ Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty;

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+ Đầu tư xây dựng nhà máy điện gió theo định hướng của Tổng Công ty Phát điện 3 và Bộ Công thương nhằm sử dụng tốt nhất vốn của Công ty, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông;

+ Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác.

+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Tiếp tục đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

+ Sản xuất kinh doanh gắn liền với bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm.

+ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa quan tâm xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhân viên phấn đấu vì sự phát triển của Công ty.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)

5.1. Về công tác sản xuất điện:

Chưa chủ động được kế hoạch vận hành sản xuất điện nên công tác kế hoạch chưa đi sát thực tế, hiệu quả sử dụng vốn chưa khai thác tối ưu.

5.2. Về công tác quản trị và tài chính:

Giá bán điện được phê duyệt chậm, quy trình xác nhận hệ số khả dụng để thanh toán còn phức tạp dẫn đến việc thanh quyết toán tiền điện kéo dài

5.3. Về công tác Sửa chữa lớn, mua sắm, quản lý và thanh xử lý vật tư thiết bị:

- Mặc dù có nhiều cố gắng và làm tốt công tác sửa chữa lớn tuy nhiên cần phải nâng cao công tác lập dự toán nhằm tối ưu hóa hàng tồn kho, tiết kiệm chi phí

- Tăng cường giám sát công tác mua sắm vật tư thiết bị

- Công tác đầu tư xây dựng dự án điện gió còn chậm

5.4. Về công tác an toàn lao động:

Cần thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức trách nhiệm cho toàn thể Người lao động trong công tác bảo hộ lao động để đảm bảo công tác an toàn trong sản xuất của Công ty ngày càng tốt hơn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015 có lãi và đạt 162,31% kế hoạch năm 2015. Các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đều đạt so với kế hoạch năm 2015

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Lợi nhuận trước thuế: 120.268 triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế: 95.979 triệu đồng

- Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh: không có

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

+ Tổng lợi nhuận trước thuế theo kế hoạch: 74.100 triệu đồng

+ Tổng lợi nhuận thực hiện trước thuế: 120.268 triệu đồng

- Lợi nhuận thực hiện so với kế hoạch là: 162,31%

- Trong năm 2015 sản lượng điện sản xuất đạt 1.695,63 triệu kWh tăng 31,55% so với kế hoạch. Doanh thu và lợi nhuận cũng hoàn thành kế hoạch được giao.

- Tình hình thực hiện so với năm liền kề:

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề

TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ Thực hiện/Kế hoạch 2015	Tỷ lệ Thực hiện 2015/2014
4	Tổng doanh thu SXKD. Trong đó:	Triệu đồng	1.815.712	1.983.196	2.237.828	109,22	88,62
4.1	Chi phí sản xuất Điện		1.754.392	1.826.040	2.089.036	104,08	87,41
4.2	Chi phí hoạt động tài chính		53.000	151.691	135.431	286,21	112,01
4.3	Chi phí sản xuất kinh doanh khác		8.320	5.466	13.362	65,69	40,91
5	Tổng chi phí SXKD. Trong đó:	Triệu đồng	1.741.612	1.862.928	2.071.457	106,97	89,93
5.1	Doanh thu sản xuất Điện		1.653.198	1.666.135	1.997.685	100,78	83,40
5.2	Doanh thu hoạt động tài chính		81.629	193.162	63.223	236,63	305,53
5.3	Doanh thu sản xuất kinh doanh khác		6.785	3.632	10.549	53,53	34,43
6	Tổng Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	74.100	120.268	166.371	162,31	72,29
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	57.798	95.979	133.513	166,06	71,89
8	Cổ tức (dự kiến)	%	8	10	10	125,00	100,00

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

1. ÔNG NGUYỄN TIẾN DŨNG

Chức vụ hiện tại	: Tổng Giám đốc - Ủy viên HĐQT
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 03/5/1968
Nơi sinh	: Xã Hoằng Đạo - H. Hoằng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Phường Long Hương – TP. Bà Rịa - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Điện thoại	: 0962 501 009
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác	
01/1989 - 7/1991	: Công tác tại Nhà máy thủy điện Trị An.
8/1991 - 11/1992	: Công tác tại trạm turbine khí nhà máy điện Chợ Quán
12/1992 - 12/1995	: Tổ trưởng sửa chữa cơ điện nhà máy điện Bà Rịa.
01/1996 - 12/1997	: Tổ trưởng sửa chữa cơ thuộc PXSC Cơ Điện nhà máy điện Bà Rịa.
01/1998 - 6/2003	: Phó Quản đốc phân xưởng sửa chữa cơ.
6/2003 - 02/2008	: Quản đốc phân xưởng sửa chữa cơ nhiệt, Công ty Nhiệt điện Bà Rịa
02/2008	: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
20/5/2009	: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
01/10/2010- nay	: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
Số cổ phần nắm giữ	
Số cổ phần cá nhân sở hữu	: 3.200, chiếm 0,0053 % vốn điều lệ

Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước : 14.437.067, chiếm 23,87% vốn điều lệ
 Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu : Võ Thị Bích Phượng - 900 cổ phần, chiếm 0,0015% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2. ÔNG PHAN VĂN DŨNG

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 20/3/1967

Nơi sinh : Huyện Bình Chánh – Thành phố Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : B10/18, ấp 2, xã Hưng Long - Huyện Bình Chánh - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0962 501 005

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Kỹ sư Thiết bị điện

Quá trình công tác :

26/8/1991 : Công ty điện lực 2

06/11/1991 : Nhà máy điện Chợ Quán

7/11/1991-21/7/1992 : Trạm phát điện Bà Rịa

21/7/1992 -14/7/1994 : Trưởng ca vận hành turbine khí trạm phát điện Bà Rịa.

14/7/1994 - 01/02/1997 : Phó phòng kế hoạch kỹ thuật kiêm kỹ sư an toàn Nhà máy điện Bà Rịa.

01/2/1997 - 09/05/2000 : Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật nhà máy điện Bà Rịa

09/5/2000 - 24/12/2007 : Trưởng phòng kỹ thuật .

24/12/2007 -20/05/2009 : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

20/5/2009 - nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Số cổ phần nắm giữ : 1.000 cổ phần, chiếm 0,00165% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

3. ÔNG PHẠM QUỐC THÁI

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc - Ủy viên HĐQT

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 19/4/1969

Nơi sinh : Huyện Châu Thành - Tỉnh Tiền Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : P.Long Hương -- TP. Bà Rịa - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Điện thoại : 0962 501 004

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kế hoạch hóa quốc dân

Quá trình công tác

10/1993 - 6/1995 : Chuyên viên kế hoạch thống kê - Phòng kế hoạch kỹ thuật nhà máy điện Bà Rịa

7/1995 - 3/2001 : Chuyên viên kế toán - Phòng kế toán tài chính nhà máy điện Bà Rịa

4/2001 - 6/2003 : Phó phòng kế toán tài chính Nhà máy điện Bà Rịa

09/6/2003 : Quyền trưởng phòng kế toán tài chính Nhà máy

01/3/2004 : Trưởng phòng Tài chính kế toán - EVN Bổ nhiệm chức danh kế toán Trưởng Công ty Nhiệt điện Bà Rịa.

01/7/2005 - 30/9/2010	:	Bổ nhiệm chức vụ: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa .
01/10/2010	:	Phó Tổng Giám đốc - Kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
01/01/2013	:	Phó Tổng Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ		
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	:	2.100, chiếm 0,003% vốn điều lệ
- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	:	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

4. BÀ TRẦN THỊ BẢO XUÂN

Chức vụ hiện tại	:	Kế toán trưởng Công ty
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	26/01/1976
Nơi sinh	:	Thành phố Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	P.Long Toàn – TP. Bà Rịa - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Điện thoại	:	0962 501 004
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác		
1996-1999	:	Kế toán công trình Bowling Đầm Sen.
4/1999-4/2001	:	Kế toán Bưu cục Bà Rịa Vũng Tàu, trực thuộc Công ty Cổ phần Bưu chính viễn thông Sài Gòn.

4/2001 – 7/2010 : chuyên viên P.TCKT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Từ 8/2010 -9/2012 : Phó phòng TCKT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

10/2012 - 12/2012 : Trưởng phòng TCKT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

1/2013 –đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Số cổ phần nắm giữ

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ : không

- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

b. Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm) không có

c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty (tại thời điểm báo cáo 31/12/2015) là: 294 người, trong đó:

- a) Lãnh đạo Công ty: 04 người
- b) Cán bộ đoàn thể: 03 người
- c) Khối các phòng: 62 người
- d) Khối các phân xưởng: 232 người

- Về trình độ:

Trình độ	Số người	Tỷ lệ %
Thạc sỹ	09	3,06
Kỹ sư kỹ thuật	113	38,44
Cử nhân kinh tế	31	10,54
Cử nhân khác	01	10,54
Cao đẳng	05	1,7

Trung cấp kỹ thuật	38	12,93
Trung cấp kinh tế	04	1,36
Trung cấp khác	62	21,09
Nhân viên	29	9,86

- Các chính sách đối với người lao động:

Với chủ trương nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của Công ty, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong việc phát triển của Công ty.

+ Chính sách đào tạo:

Công ty hết sức chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực, Công ty thường xuyên tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại Công ty và cử cán bộ, công nhân kỹ thuật tham dự các khóa đào tạo chuyên đề do ngành Điện tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Chính sách tiền lương:

Việc xếp lương cho người lao động trong Công ty được vận dụng theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của chính phủ về hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương trong các Công ty Nhà nước, đồng thời thực hiện theo các Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 và Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013. Đồng thời Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế trả lương cho người lao động, đảm bảo dân chủ, công bằng, khuyến khích Người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Công ty và Người lao động.

+ Các chính sách khác:

Công ty còn có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên Người lao động như:

- Hàng năm, Người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật Lao động;

- Hàng năm Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho Người lao động;

- Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt theo quy định;

- Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Thực hiện đều đặn các chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật cho Người lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

- Công ty đã xây dựng và áp dụng hiệu quả các chính sách như: Quy chế quản lý phân phối và sử dụng các quỹ, quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế chấm điểm thi đua trong sản xuất kinh doanh,....

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án, tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết) không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)

b.1) Tình hình hoạt động của các Công ty có liên quan:

+ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng:

- Sản lượng điện sản xuất là 6.937,67 kWh, đạt 107,4% so với KH năm 2015.
- Sản lượng điện thương phẩm là 6.324,20 kWh, đạt 108,3% so với KH năm 2015.

+ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh:

- Sản lượng điện sản xuất là 6.231,9 triệu kWh, đạt 98,50 so với KH năm 2015, tăng 15,00% so với cùng kỳ năm trước.
- Sản lượng điện thương phẩm là 5.691,7 kWh, đạt 99,50 so với KH năm 2015, tăng 15,60% so với cùng kỳ năm trước.

+ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn:

- Sản lượng điện sản xuất là 161,033 triệu kWh, đạt 103,89% so với KH năm 2015.
- Sản lượng điện thương phẩm là 157,865 triệu kWh, đạt 101,85% so với KH năm 2015.

+ Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ:

- Sản lượng điện sản xuất là: 113,39 triệu kWh
- Sản lượng điện thương phẩm là: 112,27 triệu kWh.

b.2). Tình hình tài chính của các Công ty có liên quan:

+ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

- Tổng Lợi nhuận trước thuế (đã tính ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước đầu tư và chênh lệch tỷ giá lũy kế đến 31/12/2014): -1.320.840 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: -1.320.840 triệu đồng.

+ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng:

- Lợi nhuận kế toán trước thuế (chưa tính ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá trong kỳ): 391.570 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 391.570 triệu đồng

+ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 14.135 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 14.135 triệu đồng

+ Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: - 13.195 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: - 13.195 triệu đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	10	10	
Tổng giá trị tài sản	1.977.761	1.992.756	0,76
Thuế và các khoản phải nộp	64.033	71.396	11,50
Lợi nhuận trước thuế	166.371	120.268	-27,71
Lợi nhuận sau thuế	133.513	95.979	-28,11

- Các chỉ tiêu khác (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,74	3,94	Lần
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	3,37	3,56	Lần
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	61,69	58,61	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	90,58	87,88	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	13,29	10,81	Lần
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,35	5,24	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,87	9,05	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,75	4,82	%
	7,90	6,54	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 60.485.600 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần đang chuyển nhượng tự do: 12.362.043 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 48.123.557 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác

Stt	Nội dung	Số nhà đầu tư	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Trong nước (1 + 2)	1,627	55,428,260	91.64	
1	Cá nhân	1,605	5,441,168	9.00	
	Trong đó				
	CBCNV	33	44,700	0.07	
2	Tổ chức	22	49,987,092	82.64	
	Trong đó				CĐ sáng lập
	Tổng công ty Phát điện 3	1	48,123,557	79.56	
II	Nước ngoài (1+2)	20	5,057,340	8.36	
1	Cá nhân	16	30,730	0.05	
2	Tổ chức	4	5,026,610	8.31	
Tổng		1,647	60,485,600	100.00	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v. Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch. Không có

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các

cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

- Nhiên liệu gas: 15.048.930 triệu BTU

- Nhiên liệu DO: 11.248 kg

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 0%

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Công ty sử dụng điện từ hệ thống điện tự dùng của Công ty

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

- Công ty đã triển khai thực hiện phương án tiết kiệm chi phí trong khâu chiếu sáng cho khu vực vận hành sản xuất đã ban hành, kiểm tra và bố trí lại để tiết giảm hệ thống đèn chiếu sáng cao áp trong khu vực sản xuất.

- Hiện tại đèn chiếu sáng được thiết kế để sử dụng cho việc theo dõi thiết bị, sửa chữa, trung đại tu thiết bị. Vì vậy trong quá trình vận hành bình thường, Công ty xem xét chỉ bật các hệ thống đèn có nhu cầu sử dụng thường xuyên, còn các hệ thống đèn chỉ sử dụng khi có công tác sửa chữa thì cho tắt, chỉ bật khi có nhu cầu.

- Trong năm 2015, kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm điện tự dùng đạt yêu cầu, chi tiết như sau:

Đơn vị	SL điện đầu cực máy phát (tr.kVWh)	SL điện giao nhận (tr.kVWh)	Điện tự dùng (tr.kVh)		Tỷ lệ điện tự dùng(%)		Tỷ lệ tiết kiệm (%)	Tỷ lệ tiết kiệm được giao (%)	Điện tự dùng tiết kiệm (tr.kVWh)	Giá trị tiết kiệm (tr.đồng)
			KH	TH	KH	TH				
1	2	3	4	5	6	7	8-1[6-7/6]	9	10	11
BTP	1.695,63	1.641,20	61,25	54,43	3,63	3,21	11,57	2,50	6,82	8.076,58

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng(cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

- Với phương án tiết kiệm chi phí trong khâu chiếu sáng, Công ty đã tiết giảm được lượng công suất thiết kế là 25.740 W, theo tính toán của Công ty, sản lượng điện tiết giảm được trong 1 năm là 103.346,1KWh, tương ứng với chi phí tiết kiệm trong 1 năm là 155.019.150 VNĐ (nếu tính giá điện bình quân 1.500 VNĐ/1KWh).

- Với phương án thực hiện chỉ tiêu giảm điện tự dùng Công ty đã tiết kiệm được 8,07 tỷ đồng.

6.3. Tiêu thụ nước:(mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp: Công ty cấp nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Lượng nước Công ty sử dụng trong năm 2015: 214.440 m3

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có tái chế, tái sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động của Công ty tính đến ngày 31/12/2015 có 294 lao động.

- Tiền lương bình quân của người lao động trong Công ty năm 2015: 12.527.000 đồng/người/tháng.

- Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty năm 2015: 16.564.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động, khám bệnh nghề nghiệp cho tất cả người lao động của 4 phân xưởng trực tiếp sản xuất (196 người) và tổ chức tham quan nghỉ mát cho người lao động.

- Trong công tác an toàn, Công ty đã chú trọng vào việc kiểm tra thực hiện Phiếu công tác, Phiếu thao tác; kiểm tra việc chấp hành qui trình, qui phạm, kỷ luật vận hành. Xây dựng, biên soạn đầy đủ nội quy, quy trình vận hành cho tất cả các trang thiết bị, máy móc mà Công ty đang quản lý.

- Công ty đã triển khai chương trình hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về An toàn lao động – Vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ; Lập chương trình hưởng ứng ngày môi trường thế giới; Lập kế hoạch và phương án PCLB. Các công việc đã thực hiện cụ thể như:

+ Tổ chức đăng kiểm thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn lao động đến hạn;

+ Điều đặn duy trì diễn tập PCCC theo qui định tại các phân xưởng, Sinh hoạt mạng lưới An toàn vệ sinh viên, kiểm tra công tác KTAT-BHLĐ và phong trào thi đua Ca VHAT kinh tế được thực hiện thường xuyên;

+ Kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng kế hoạch;

+ Tổ chức phổ biến, phân tích nguyên nhân các vụ tai nạn lao động xảy ra trong toàn Tập đoàn đến tất cả Người lao động của 4 phân xưởng trực tiếp sản xuất;

+ Lập và thực hiện kế hoạch hưởng ứng ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy, tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật phòng cháy chữa cháy cho tất cả Người lao động;

+ Phối hợp với cảnh sát Phòng chống cháy nổ - cứu nạn cứu hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên làm việc trong môi trường có nguy hiểm về cháy, nổ và thường xuyên tiếp xúc với các chất nguy hiểm về cháy, nổ;

+ Hoàn tất công tác bồi huấn và kiểm tra an toàn định kỳ hàng năm;

+ Chấm điểm bảo hộ lao động của Công ty và báo cáo theo qui định.

- Công ty rất quan tâm, thường xuyên chú trọng đến phong trào thi đua trong cán bộ, công nhân viên. Các phong trào thi đua đều có sơ, tổng kết, biểu dương khen thưởng kịp thời cả về vật chất lẫn tinh thần.

- Phát động phong trào thi đua vào đầu năm và tổng kết phong trào thi đua khen thưởng năm 2015 toàn Công ty đạt kết quả như sau:

+ Công ty xét duyệt và công nhận 12 sáng kiến, Công ty đã chi thưởng 16 triệu đồng cho các cá nhân có sáng kiến;

+ *Tập thể*: Có 02 tập thể được đề nghị tặng Bằng khen của Bộ Công Thương, 01 tập thể được đề nghị tặng Bằng khen của EVN, 03 tập thể đạt lao động xuất sắc, 01 tập thể được đề nghị tặng Giấy khen của EVNGENCO3, 17 tập thể đạt lao động tiên tiến;

+ *Cá nhân*: Có 03 người được đề nghị tặng Bằng khen của Bộ Công Thương, 09 người được công nhận đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, 7 người được đề nghị tặng Bằng khen của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam, 9 người được đề nghị tặng giấy khen của Tổng Công ty phát điện 3, 65 người nhận giấy khen của Công ty, 194 người đạt lao động tiên tiến.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Công ty đã cử người tham gia học các lớp: Lớp huấn luyện thiết bị nghiêm ngặt về an toàn – 124 người, Lớp an toàn hóa chất – 27 người; Lớp nghiệp vụ đấu thầu – 6 người; Lớp trung cấp chính trị - 6 người.

- Ngoài ra, Công ty đã tạo điều kiện cho CNV đi học cao học (1 người).

- Các phân xưởng sản xuất duy trì thực hiện tốt công tác bồi huấn nghiệp vụ nâng cao tay nghề.

- Triển khai thực hiện tốt công tác Văn hóa doanh nghiệp:

+ Luôn cập nhật, thực hiện các nội dung về việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ văn hóa doanh nghiệp hàng năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, của Tổng Công ty Phát điện 3.

+ Xây dựng kế hoạch chi tiết cũng như kiện toàn việc phân công nhiệm vụ thực thi văn hóa doanh nghiệp trong Công ty và triển khai thực hiện.

+ Tổ chức tập huấn về văn hóa doanh nghiệp cho toàn thể CBCNV của Công ty 1 lần/năm.

+ Hàng tháng và hàng quý có triển khai công tác kiểm tra đánh giá việc thực thi kế hoạch văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chấm điểm tại các đơn vị.

+ Vận động và phân bổ cho các Công đoàn bộ phận, Đoàn Thanh niên, CBCNV thực hiện viết bài về chủ đề văn hóa doanh nghiệp với số lượng và chất lượng tốt hơn năm trước.

+ Đăng tải tài liệu Văn hóa doanh nghiệp, bộ quy tắc ứng xử của Công ty trên website của Công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

Trong năm 2015, Công ty đã ủng hộ số tiền 139,522,703 đồng cho các hoạt động ở địa phương như:



Ngày tháng	Nội dung	Số tiền(đồng)
14/1/15	Hỗ trợ CA phường Long Hương đảm bảo ANTT khu vực công ty từ T7→T12/14	15,360,000
2/2/15	Tặng quà tết cho đồng bào nghèo TBRVT nhân dịp tết Nguyên Đán 2015 (10 suất x 400000/s)	4,000,000
8/5/15	Chi tài trợ xây 1 căn nhà đại đoàn kết Phường Long Hương	25,000,000
4/6/15	Ủng hộ quỹ " Vì tương lai con em chúng ta" vào quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh năm 2015	45,081,352
14/8/15	CBCNV đóng góp hỗ trợ nhân dân các tỉnh phía bắc bị ảnh hưởng do mưa lũ kéo dài	45,081,351
28/10/15	Chi Ủng hộ quỹ khuyến học của Hội Khuyến học thành phố Bà Rịa	5,000,000

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN không có

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	% so KH năm
Tổng doanh thu	1.815.712	1.983.196	109,22
Tổng chi phí	1.741.612	1.862.928	106,97
Lợi nhuận sau thuế	57.798	95.979	166,06

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được

Trong năm 2015, Công ty đặt ra các chỉ tiêu về tiết kiệm điện tự dùng, giảm tổn thất điện năng; đẩy mạnh tái cơ cấu; tiếp tục thực hiện tối ưu hóa chi phí, nâng cao năng suất lao động để sản xuất kinh doanh điện năng có lợi nhuận.

Cùng với sự chỉ đạo sáng suốt, kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và sự cố gắng của toàn thể CB-CNV Công ty đã đạt được những tiến bộ sau:

+ Đã cơ cấu lại mô hình quản lý của Công ty phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh;

+ Triển khai Xây dựng hoàn thiện và ban hành các quy chế quan đến người lao động phù hợp với các quy chế của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, của Tổng Công ty Phát điện 3;

+ Đã triển khai và xây dựng bản mô tả công việc KPI cho từng CB-CNV;

+ Suất sự cố thấp, các tổ máy luôn được đảm bảo an toàn, hạn chế tối đa sự cố chủ quan để phải ngừng máy; Công tác bảo dưỡng luôn được quan tâm, chú trọng, giúp rút ngắn thời gian ngừng sửa chữa thường xuyên;

+ Các tổ máy luôn sẵn sàng đáp ứng theo yêu cầu của hệ thống điện. Do nhu cầu của hệ thống cao nên các tổ máy được huy động cao hơn dự kiến công suất phát của các tổ máy cao và ổn định nên suất hao nhiên liệu thấp;

+ Trong năm 2015, Các tổ máy luôn đáp ứng nhu cầu của hệ thống điện. Tổng sản lượng điện sản xuất năm 2015 là **1,695.63** triệu kWh, đạt **131.55%** kế hoạch năm.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)

Giá trị tài sản theo sổ sách tại thời điểm 31/12/2015 là 1.992.756 triệu đồng, trong đó: Tài sản ngắn hạn 1.590.356 triệu đồng; Tài sản dài hạn 402.401 triệu đồng.

Bảng cơ cấu tài sản

Nội dung	2014		2015	
	Tr. Đồng	Tỷ lệ %	Tr. Đồng	Tỷ lệ %
Tiền và các khoản tương đương tiền	343.979	17,4	292.881	14,7
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	629.000	31,8	614.000	30,8
HTK+ Phải thu + TS ngắn hạn khác	550.629	27,8	683.475	34,3
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	345.371	17,5	303.136	15,2
Tài sản cố định + TS dài hạn khác	108.782	5,5	99.265	5,0
Tổng cộng Tài sản	1.977.761	100,0	1.992.756	100,0

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giả hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

Nợ phải trả ngắn hạn: Đây là khoản vay dài hạn đến hạn trả của hợp đồng vay lại vốn dài hạn vốn ODA (đồng won) từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam và tiền khí chưa đến hạn thanh toán.

Nợ dài hạn: là khoản nợ dài hạn của hợp đồng vay lại nêu trên.

Trong năm 2015 căn cứ thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 Công ty đánh giá chênh lệch tỷ giá vốn vay có gốc ngoại tệ cuối quý theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại. Tỷ giá bán ra của đồng Won Hàn Quốc (KRW) của Vietcombank tại thời điểm 31/12/2015 là 19,22đ chênh lệch 1,47đ so với tỷ giá mua chuyển khoản của vietcombank tại thời điểm 31/12/2014 là 17,75đ (theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012). Do đó, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại vốn vay có gốc ngoại tệ trong năm 2015 là 50,7 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2015, Ban điều hành đã sửa đổi và bổ sung điều lệ của Công ty phù hợp với bộ luật doanh nghiệp mới được ban hành năm 2014.

- Công ty đã thực hiện tổ chức lại mô hình tổ chức của Công ty cho hợp lý, phù hợp với chủ trương phát triển của Công ty, Tổng Công ty; đảm bảo được số lượng lao động hợp lý trong dây chuyền sản xuất kinh doanh điện như:

+ Tháng 5, Công ty đã sáp nhập phòng Kế hoạch và Phòng Kinh doanh thành phòng Kế hoạch – Kinh Doanh.

+ Tháng 11, Công ty đã sáp nhập phòng Công nghệ thông tin vào phòng Kỹ thuật.

- Xây dựng hoàn thiện và ban hành các Quy chế liên quan đến người lao động theo chỉ đạo và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty:

+ Công ty đã hoàn thiện và ban hành các quy chế liên quan đến người lao động.

+ Tiến hành cải cách thể chế cho phù hợp với tình hình phát triển thực tế của Công ty như:

• Tiếp tục rà soát các quy chế, quy định, quy trình đã ban hành. Xây dựng các quy chế, quy định và quy trình còn thiếu;

• Xây dựng cơ chế tiền lương gắn liền với kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, năng suất lao động;

• Công ty đã xây dựng và thực hiện Quy chế chi trả lương dựa theo các văn bản hướng dẫn của Nhà nước và các hệ số K nhằm thu hút nhân lực có trình độ và tay nghề cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Vận hành các tổ máy đáp ứng phương thức huy động của A0;

- Thực hiện công tác sửa chữa lớn các tổ máy đảm bảo chất lượng và tiến độ;

- Thực hiện nghiêm chỉnh lịch duy tu bảo dưỡng định kỳ các tổ máy;

- Phối hợp với Tư vấn hoàn thiện PreFS dự án điện gió Tiến Thành;

- Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực, quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động;

- Thực hiện đề án “Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2030”;

- Bổ sung và hoàn thiện quy chế quản lý nội bộ;

- Bảo đảm công tác an ninh – quốc phòng, tích cực thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí;

- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt văn hóa

doanh nghiệp.

5. *Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)*

Tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán năm 2015, Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2015 của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ. Vì vậy, Công ty chưa đủ cơ sở để trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính (nếu có) của Công ty này.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

- Công ty đã trồng và chăm sóc nhiều cây xanh, thậm chí để cải thiện điều kiện vi khí hậu, môi trường, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp và thực hiện đo vi khí hậu, đánh giá giám sát hiện trạng môi trường định kỳ.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ nghiên cứu sử dụng loại đèn tiết kiệm năng lượng theo công nghệ mới mà vẫn đảm bảo nhu cầu chiếu sáng cần thiết.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Thực hiện tốt công tác quản lý lao động và tổ chức lao động khoa học dựa trên mô hình tổ chức hợp lý, phù hợp với chủ trương phát triển của Công ty, Tổng Công ty; đảm bảo được số lượng lao động hợp lý trong dây chuyền Sản xuất kinh doanh điện;

- Từ số lao động hiện có, Công ty sẽ tận dụng tối ưu việc bố trí sắp xếp hợp lý nhằm tiết kiệm được chi phí và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh điện;

- Các chính sách trả lương, thưởng đảm bảo theo đúng quy chế, tạo ra động lực phấn đấu cho từng cá nhân, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá KPI cho toàn thể CB-CNV;

- Xây dựng môi trường làm việc năng động, khoa học cùng với chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực liên tục nhằm khai thác tối đa năng lực của từng CB-CNV.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã trồng và chăm sóc nhiều cây xanh, thậm chí để cải thiện điều kiện vi khí hậu, môi trường, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

Năm 2015, trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã tiến hành triển khai thực hiện thông qua việc ban hành các quyết định giao nhiệm vụ cụ thể và chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc Công ty thực hiện. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT đã thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất để theo dõi, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp hoặc phối hợp cùng Tổng Giám đốc xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đảm bảo vận hành an toàn, liên tục, tin cậy, đáp ứng theo phương thức huy động của Điều độ Hệ thống điện Quốc Gia.

- Thực hiện tốt công tác Sửa chữa lớn các tổ máy, đảm bảo chất lượng, đẩy nhanh tiến độ.

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị công ty.

- Đảm bảo việc làm, đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Tổng kết năm 2015, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của Công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành.

- Tổng Giám đốc Công ty là thành viên HĐQT nên việc duy trì chế độ báo cáo thực hiện thường xuyên hàng tháng, quý cho HĐQT về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, như:

+ Triển khai kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 26/5/2015;

+ Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm 2015 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2015;

+ Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính quý I, quý II và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014;

+ Thông qua báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2015 và tổ chức thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính Quý III, Quý IV năm 2015;

+ Giám sát việc thực hiện mục tiêu của Ban điều hành đồng thời có các chỉ đạo, quyết định liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Đảm bảo công tác vận hành sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế;

- Tiếp tục triển khai dự án điện gió tại xã Tiến Thành, Phan Thiết, Bình Thuận;

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án nguồn điện theo chỉ đạo của Tổng Công ty Phát điện 3;

- Nâng cao hệ số khả dụng nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh;

- Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu của chương trình tối ưu hóa chi phí, triển khai chương trình nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và nâng cao năng suất lao động;

- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;

- Tăng cường công tác quản trị, giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành để thực hiện đạt các chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHĐCĐ.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị gồm có 05 người (01 Chủ tịch và 4 ủy viên):

STT	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Thành viên		Thông tin cổ phần Có quyền biểu quyết						Kiểm nhiệm	Ghi chú
			Điều hành	Không điều hành	Cá nhân sở hữu		Đại diện phần vốn Nhà nước		ĐD vốn Cty CP nhiệt điện Phả lại		Tại Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	
					Cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Cổ phần	Tỷ lệ %		
1	Ông Huỳnh Lìn	Chủ tịch	X		0		19.249.423	31,82			TV HĐQT	
2	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên	X		3.200	0,0053	14.437.067	23,87				
3	Ông Phạm Quốc Thái	Ủy viên	X		0		14.437.067	23,87			TV BKS	
4	Ông Lê Thế Sơn	Ủy viên		X	0				670.000	1,108		
5	Ông Trương Quốc Phúc	Ủy viên		X	0		14.437.067	23,87				Không tham gia HĐQT từ ngày 26/5
6	Ông Đoàn Ngọc Nhân	Ủy viên		X	0		14.437.067	23,87				Tham gia HĐQT từ ngày 26/5

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban)

- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa không có tiểu ban giúp việc cho Hội đồng quản trị

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

-Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ hàng Quý nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình hoạt động của Công ty để đưa ra những Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng Quý. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập trung vào một số vấn đề chính như sau:

+ Chỉ đạo, đánh giá kết quả SXKD và đầu tư xây dựng cơ bản trong từng tháng, Quý; đôn đốc và giám sát ban điều hành công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành, quản lý để thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng tháng, quý còn lại.

+ Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. Thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thành công tốt đẹp.

+ Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Huỳnh Lin	Chủ tịch		4/4	100%	
02	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên		4/4	100%	
03	Ông Trương Quốc Phúc	Ủy viên	26/5/2015	2/4	50%	Không còn tham gia HĐQT
04	Ông Đoàn Ngọc Nhân	Ủy viên	26/5/2015	2/4	50%	bắt đầu tham gia HĐQT
05	Ông Lê Thế Sơn	Ủy viên		4/4	100%	
06	Ông Phạm Quốc Thái	Ủy viên		3/4	75%	Đi công tác

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị(đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

- Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty. Dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua các Nghị quyết sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	16	06/01	Phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả công tác quản lý lao động của Công ty giai đoạn 2014-2015.
2	23	13/01	Tạm ứng chi tiền lương; tiền thưởng an toàn điện cho Viên chức quản lý và Người lao động; tiền thù lao cho HĐQT.
3	75	28/01	Miễn nhiệm và bầu bổ sung UV HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh nhiệm kỳ 2013-2018.
4	139	06/02	- Thông qua BCTC quý 4/2014; - Thông qua báo cáo công tác thực hiện kế hoạch quý 4/2014; kế hoạch quý 1/2015;
5	160	12/02	Thông qua định mức suất tiêu hao nhiên liệu các tổ máy năm 2015 của Công ty
6	217	17/3	Bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại cán bộ
7	221	17/3	Thông qua thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2015 của Công ty.
8	303	07/4	Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
9	340	15/4	Cho khảo sát, đo gió và lập hồ sơ dự án điện gió của Công ty tại tỉnh Bình Thuận
10	350	16/4	Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
11	466	15/5	Sáp nhập Phòng Kế hoạch và Phòng Kinh doanh và đổi tên thành Phòng Kế hoạch – Kinh doanh trực thuộc Công ty
12	512	25/5	Thông qua các nội dung sau: - Kết quả hoạt động SXKD năm 2014 và Kế hoạch SXKD năm 2015; - Báo cáo của HĐQT; - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; - Phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ trích lập các quỹ năm 2014;
13	572	05/6	Chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2014 của Công ty.



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
14	785	29/07	Thông qua nghị quyết về việc phê duyệt định mức của các tổ máy phát điện như sau: <i>*Định mức nhiên liệu cho một lần khởi động của từng tổ máy:</i> - Tổ máy Tua bin khí F5(GT1 & GT2); - Tổ máy Tua bin khí F6(GT3 & GT4); - Tổ máy Tua bin khí F6(GT5÷GT8); - Tổ máy Tua bin hơi(ST9 & ST10). <i>*Định mức điện tự dùng cho khởi động của từng tổ máy:</i> - Tổ máy Tua bin khí F5(GT1 & GT2); - Tổ máy Tua bin khí F6(GT3 & GT4); - Tổ máy Tua bin khí F6(GT5 ÷ GT8); - Tổ máy Tua bin hơi ST9; - Tổ máy Tua bin hơi ST10. <i>*Định mức vật liệu phụ sử dụng cho một lần khởi động:</i> - Tổ máy tua bin hơi ST9; - Tổ máy Tua bin hơi ST10. <i>*Định mức điện tự dùng xông sấy trong 1 giờ:</i> - Tổ máy Tua bin khí F5(GT1 & GT2); - Tổ máy Tua bin khí F6(GT3 & GT4); - Tổ máy Tua bin khí F6(GT5 ÷ GT8); - Tổ máy Tua bin hơi ST9; - Tổ máy Tua bin hơi ST10. <i>*Định mức vật liệu phụ theo sản lượng</i> - Dầu bôi trơn; - Dầu biến thế; - Hóa chất; - Dầu mỡ bụi trơn; - Nước công nghiệp.
15	819	07/08	Thông qua Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị định kỳ Quý 2/2015, với các nội dung sau: - Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2015;

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			- Báo cáo công tác thực hiện kế hoạch Quý 2/2015; kế hoạch quý 3/2015; - Thống nhất chủ trương cho phép Công ty triển khai công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi cho dự án sử dụng khí ethane; - Thống nhất Công ty tồn trữ dầu DO tối thiểu đủ vận hành trong vòng 24h00 nhằm phục vụ sản xuất điện; - Công ty làm việc với các đơn vị liên quan để có được giá điện năm 2015.
16	893	09/09	Thông qua nghị quyết về việc ký kết hợp đồng vay lại vốn EDCF(Dự án đuôi hơi 306-2), với một số điều kiện cụ thể như sau: - Đối tượng vay lại: Tập đoàn điện lực Việt Nam; - Tổng số tiền vay lại: 32.385.836.581 KRW; - Thời hạn vay lại: 13 năm; - Thời hạn trả nợ gốc, lãi và phí vay lại: ngày 20/5 và ngày 20/11 hàng năm; - Lãi suất vay lại: 2,2%/năm; - Phí vay lại: 0,2%/năm.
17	1056	30/10	Thông qua Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị định kỳ Quý 3/2015, với các nội dung sau: - Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2015; - Báo cáo công tác thực hiện kế hoạch quý 3/2015; Kế hoạch quý 4/2015; - Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT; - Thống nhất kế hoạch SXKD 2016 để trình ĐHCĐ; - Sáp nhập phòng Công nghệ thông tin vào phòng Kỹ thuật; - Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt các gói thầu thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- | | |
|-------------------------|-----------------|
| 1. Ông Huỳnh Lin | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Tiến Dũng | - Ủy viên HĐQT |

3. Ông Phạm Quốc Thái - Ủy viên HĐQT
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

- Danh sách thành viên Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, 01 Trưởng Ban và 02 thành viên như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Hường - Trưởng Ban
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Thành viên
3. Bà Vũ Thị Hoàng Yến - Thành viên

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: Không có

b) Hoạt động của Ban kiểm soát (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

Hoạt động giám sát của BKS trong năm 2015 được thực hiện 2 lần, cụ thể:

Lần 1: Từ ngày 16 đến ngày 17/4/2015.

Lần 2: Từ ngày 27 đến ngày 28/8/2015.

Nội dung chính trong các kỳ kiểm tra:

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, việc tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

- Thẩm tra soát xét báo cáo tài chính năm 2014 và 6 tháng năm 2015 qua đó phân tích tài chính và nhận xét đánh giá tình hình tài chính của Công ty.

- Kiểm tra công tác mua sắm vật tư thiết bị cho sản xuất và sửa chữa, đánh giá việc thực hiện so với nhu cầu và kế hoạch đề ra.

Kết thúc các đợt kiểm tra đều có biên bản làm việc và các kiến nghị gửi tới HĐQT và Ban TGD.

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Bà Nguyễn Thị Hường	Trưởng ban	2/2	100%	
02	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	2/2	100%	
03	Bà Vũ Thị Hoàng Yến	Thành viên	2/2	100%	

Kết quả của các cuộc họp:

Lần 1, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014:

- Tình hình sản xuất điện, đạt và vượt mức kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra, Công ty thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT;

- Công tác mua sắm vật tư thiết bị tuân thủ theo quy định của pháp luật, triển khai thực hiện với chất lượng và giá cả cạnh tranh;

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 có lãi, các chỉ tiêu tài chính được đảm bảo, khả năng thanh toán cao, chỉ tiêu lợi nhuận (ROE) năm 2014 cao hơn năm 2013, chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn cổ đông năm 2014 cao hơn hiệu quả sử dụng vốn cổ đông năm 2013.

Lần 2, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015:

- Tình hình sản xuất điện 6 tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn, các tổ máy ngừng dự phòng nhiều, sản lượng điện thấp, đạt 62% so với cùng kỳ năm 2014, doanh thu giảm.

- Tình hình tài chính: Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty lỗ 45 tỷ đồng, nguyên nhân do:

+ Giá điện đang tạm tính bằng với giá điện năm 2014 theo công văn số 404/EVN-TCKT ngày 02/02/2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Khi có giá điện chính thức, Công ty sẽ điều chỉnh lại doanh thu.

+ Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại vốn vay có gốc ngoại tệ. Thực hiện theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Công ty đánh giá chênh lệch tỷ giá vốn vay có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại. Tỷ giá bán ra của đồng Won Hàn Quốc (KRW) của Vietcombank tại thời điểm 31/03/2015 so với tỷ giá mua chuyển khoản của Vietcombank tại thời điểm 31/12/2014 (theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012) chênh lệch tăng 3,86 đồng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

STT	Nội dung	Lương	Thưởng ATĐ	Thù lao	Thù lao NĐĐ	Thưởng Ban điều hành 2014	Thưởng từ quỹ phúc lợi	Tổng tiền/ năm
1	Hội đồng quản trị							
1.1	Ông Huỳnh Lin		65,801,283	486,000,000	61,200,000	42,507,072	47,100,000	702,608,355
1.2	Ông Lê Thế Sơn			82,800,000		26,158,198		108,958,198
1.3	Ông Trương Quốc Phúc			34,500,000		26,158,198		60,658,198
1.4	Ông Đoàn Ngọc Nhân			48,300,000				48,300,000
2	Ban Tổng giám đốc							
2.1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	468,000,000	62,826,705	16,000,000		39,237,297	47,100,000	633,164,002
2.2	Ông Phan Văn Dũng	414,000,000	56,877,547			32,697,747	47,100,000	550,675,294
2.3	Ông Phạm Quốc Thái	414,000,000	56,877,547	16,000,000	45,000,000	32,697,747	47,100,000	611,675,294
3	Ban Kiểm Soát							
3.1	Bà Nguyễn Thị Hường			82,800,000		19,618,648		102,418,648
3.2	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương			75,600,000		13,079,099		88,679,099
3.3	Bà Vũ Thị Hoàng Yến			75,600,000	27,216,000	13,079,099	47,100,000	162,995,099
4	Kế toán trưởng							
4.1	Trần Thị Bảo Xuân	378,000,000	50,928,390			27,466,108	47,100,000	503,494,498

Ghi chú: Tiền lương, thù lao của VCQL, UVHĐQT, BKS đã tính HS điều chỉnh 1,5.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên (không có))

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên (không có))

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty (không có))

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa do Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán:

Số: 247/BCKT/TC/2016/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(Về Báo cáo tài chính năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa)

Kính gửi: - **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**
- **Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa** được lập ngày 10 tháng 03 năm 2015 từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức

nghe nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa có đủ cơ sở để xác định việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ trị giá là 50.000.000.000 đồng, vì đến thời điểm phát hành báo cáo chúng tôi chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2015.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “***Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ***”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa** tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phú Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc

(đã ký)

Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1

Kiểm toán viên

(đã ký)

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2013-142-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ

công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên)

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015 được lập theo đúng chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính (bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính). Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCKHCM;
- HĐQT, BKS BTP;
- Website BTP;
- Lưu: VT, TK.



NGUYỄN TIỀN DŨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CT . AASCS

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Năm 2015



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08).38205.944 -(08)38205.947; Fax: (08) 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 - 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2015	12 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000451 ngày 01 tháng 11 năm 2007; thay đổi lần thứ 4 và thay đổi mã doanh nghiệp số 3500701305 cho Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa ngày 24 tháng 09 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; Mua bán vật tư thiết bị; Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại; Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng; Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng; Cho thuê phương tiện vận tải; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh bất động sản; Chế biến và kinh doanh nông sản; Chế biến và kinh doanh hải sản; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Huỳnh Lin Chủ tịch

Ông Nguyễn Tiến Dũng Ủy viên

Ông Lê Thế Sơn Ủy viên

Ông Phạm Quốc Thái Ủy viên

Ông Đoàn Ngọc Nhân Ủy viên

(Bổ nhiệm ngày 26/5/2015)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Tiến Dũng Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2010
và bổ nhiệm lại ngày 22 tháng 10 năm 2013)

Ông Phan Văn Dũng Phó Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm ngày 20 tháng 05 năm 2009
và bổ nhiệm lại ngày 26 tháng 12 năm 2013)

Ông Phạm Quốc Thái Phó Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2010
và bổ nhiệm lại ngày 22 tháng 10 năm 2013)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 11 tháng 3 năm 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng



Số: ~~241~~/BCKT/TC/2016/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**(Về Báo cáo tài chính năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa)**Kính gửi:** - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa.**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa được lập ngày 10 tháng 03 năm 2015 từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa có đủ cơ sở để xác định việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ trị giá là 50.000.000.000 đồng, vì đến thời điểm phát hành báo cáo chúng tôi chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2015.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Tổng Giám đốc

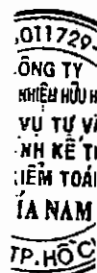
Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2013-142-1



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.590.355.620.250	1.523.608.052.630
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	292.880.701.123	343.978.985.497
1. Tiền	111		880.701.123	114.978.985.497
2. Các khoản tương đương tiền	112		292.000.000.000	229.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		614.000.000.000	629.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	614.000.000.000	629.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		519.799.907.378	395.316.508.768
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	493.115.710.901	367.935.726.426
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.198.676.500	110.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	25.738.358.996	27.380.672.342
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(252.839.019)	
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	154.574.006.499	149.117.539.986
1. Hàng tồn kho	141		163.553.850.199	158.097.383.686
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(8.979.843.700)	(8.979.843.700)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.101.005.250	6.195.018.379
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	448.271.013	362.616.359
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	8.652.734.237	5.832.402.410
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		402.400.786.459	454.152.884.391
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		85.056.476.494	108.213.356.188
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	85.019.894.526	107.955.416.839
- Nguyên giá	222		2.382.403.879.281	2.345.864.183.435
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.297.383.984.755)	(2.237.908.766.596)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	36.581.968	257.939.349
- Nguyên giá	228		3.889.064.839	3.889.064.839
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.852.482.871)	(3.631.125.490)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.957.034.333	
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	3.957.034.333	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		303.135.910.772	345.370.855.006
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	83.750.000.000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	273.500.927.800	357.250.927.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2b	(54.115.017.028)	(11.880.072.794)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.251.364.860	568.673.197
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	263.630.860	568.673.197
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	9.987.734.000	
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.992.756.406.709	1.977.760.937.021

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		932.092.931.467	939.985.896.480
I. Nợ ngắn hạn	310		403.773.272.270	407.717.958.666
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	234.684.108.257	277.509.409.493
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	240.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	31.688.439.159	13.820.758.781
4. Phải trả người lao động	314	V.16	25.389.894.262	19.866.123.737
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.771.502.453	2.179.515.977
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.856.433.533	4.473.477.849
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	48.029.059.945	79.163.507.759
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	49.938.670.000	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.21	7.414.924.661	10.705.165.070
II. Nợ dài hạn	330		528.319.659.197	532.267.937.814
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	528.319.659.197	532.267.937.814
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.22	1.060.663.475.242	1.037.775.040.541
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.060.663.475.242	1.037.775.040.541
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		604.856.000.000	604.856.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		604.856.000.000	604.856.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.560.228.689	7.560.228.689
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		75.099.676.551	51.011.503.196
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.017.897.139	13.979.722.912
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		353.129.672.863	360.367.585.744
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		257.150.521.675	226.854.326.860
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		95.979.151.188	133.513.258.884
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.992.756.406.709	1.977.760.937.021

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan Thị Thùy Linh

Trần Thị Bảo Xuân

Nguyễn Tiến Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.830.980.819.813	2.100.967.217.237
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.830.980.819.813	2.100.967.217.237
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.641.817.387.535	1.970.001.499.253
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		189.163.432.278	130.965.717.984
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	151.690.882.980	135.430.918.475
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	193.161.611.750	63.222.691.663
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.255.655.479	20.341.446.148
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	188.037.496	231.433.253
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	27.747.683.880	36.994.564.465
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		119.756.982.132	165.947.947.078
11. Thu nhập khác	31	VI.5	524.730.952	610.287.547
12. Chi phí khác	32	VI.6	13.511.018	187.061.672
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		511.219.934	423.225.875
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		120.268.202.066	166.371.172.950
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	34.276.784.878	32.857.914.066
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(9.987.734.000)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.11	95.979.151.188	133.513.258.884
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.587	2.004
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phan Thị Thùy Linh

Phan Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Thị Bảo Xuân

Trần Thị Bảo Xuân

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		120.268.202.066	166.371.172.950
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		59.696.575.540	114.921.865.496
- Các khoản dự phòng	03		92.426.453.253	8.094.505.564
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		50.669.949.443	(15.604.529.643)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(64.363.959.284)	(31.630.143.882)
- Chi phí lãi vay	06		15.255.655.479	20.341.446.148
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		273.952.876.497	262.494.316.633
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(120.402.243.179)	(347.046.416.881)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.456.466.513)	(10.670.359.330)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(88.374.133.952)	179.879.559.424
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		219.387.693	(483.533.032)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.663.669.003)	(21.283.338.606)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.409.104.500)	(18.747.227)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		133.891.047	218.340.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.777.125.214)	(8.635.161.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.223.412.876	54.454.659.121
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(40.748.852.908)	(4.782.975.959)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			999.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(644.000.000.000)	(603.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		659.000.000.000	581.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(50.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.209.632.607	56.400.789.426
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		31.460.779.699	(19.382.686.533)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		183.699.450.258	58.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(218.782.176.689)	(172.977.397.064)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(59.699.750.518)	(48.005.790.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(94.782.476.949)	(162.983.187.264)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(51.098.284.374)	(127.911.214.676)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		343.978.985.497	471.888.793.535
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			1.406.638
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	292.880.701.123	343.978.985.497

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Phan Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Thị Bảo Xuân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tiên Dung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Bộ Công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000451 ngày 01 tháng 11 năm 2007; thay đổi lần thứ 4 và thay đổi mã doanh nghiệp số 3500701305 cho Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa ngày 24 tháng 09 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 604.856.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu đồng).

2. **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; Mua bán vật tư thiết bị; Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại; Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng; Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng; Cho thuê phương tiện vận tải; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh bất động sản; Chế biến và kinh doanh nông sản; Chế biến và kinh doanh hải sản; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu năm trước.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Kỳ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

10117,
CÔNG T
NHIỆM
VỤ T
INH K
XIÊM T
TIA N
TP.HC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

3.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.2 Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3.3 Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

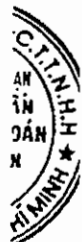
Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

5.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

5.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

6.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành theo công thức sau:

$$\begin{array}{lcl} \text{Thuế thu nhập} & & \text{Thuế suất thuế thu nhập} \\ \text{hoãn lại phải trả} & = & \text{chênh lệch tạm thời chịu thuế} \times \text{doanh nghiệp hiện hành (\%)} \end{array}$$

Trường hợp tại thời điểm ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã biết trước có sự thay đổi về thuế suất thuế TNDN trong tương lai, nếu việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới đã có hiệu lực thì thuế suất áp dụng để ghi nhận thuế hoãn lại phải trả được tính theo thuế suất mới.

Cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả và Chênh lệch tạm thời:

- Cơ sở tính thuế của tài sản là giá trị sẽ được trừ khỏi thu nhập chịu thuế khi thu hồi giá trị ghi sổ của tài sản. Nếu thu nhập không phải chịu thuế thì cơ sở tính thuế của tài sản bằng giá trị ghi sổ của tài sản đó. Cơ sở tính thuế thu nhập của nợ phải trả là giá trị ghi sổ của nó trừ đi (-) giá trị sẽ được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế khi thanh toán nợ phải trả trong các kỳ tương lai. Đối với doanh thu nhận trước, cơ sở tính thuế là giá trị ghi sổ của nó, trừ đi phần giá trị của doanh thu không phải chịu thuế trong tương lai.

- Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó. Chênh lệch tạm thời gồm 2 loại: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ và chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chênh lệch tạm thời chịu thuế là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh khoản thuế thu nhập phải trả khi xác định thu nhập chịu thuế trong tương lai khi giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán.

+ Chênh lệch tạm thời về thời gian chỉ là một trong các trường hợp chênh lệch tạm thời, ví dụ: Nếu lợi nhuận kế toán được ghi nhận trong kỳ này nhưng thu nhập chịu thuế được tính trong kỳ khác.

+ Các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả so với cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó có thể không phải là chênh lệch tạm thời về mặt thời gian, ví dụ: Khi đánh giá lại một tài sản thì giá trị ghi sổ của tài sản thay đổi nhưng nếu cơ sở tính thuế không thay đổi thì phát sinh chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên thời gian thu hồi giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế không thay đổi nên chênh lệch tạm thời này không phải là chênh lệch tạm thời về thời gian.

+ Kế toán không tiếp tục sử dụng khái niệm "Chênh lệch vĩnh viễn" để phân biệt với chênh lệch tạm thời khi xác định thuế thu nhập hoãn lại do thời gian thu hồi tài sản hoặc thanh toán nợ phải trả cũng như thời gian để khấu trừ tài sản và nợ phải trả đó vào thu nhập chịu thuế là hữu hạn.

5011:
CÔNG
CHUYÊN
H VU T
HÌNH N
KIỂM
HIA N
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải xác định các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm hiện tại làm căn cứ xác định số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trong năm.

Việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nay với số thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận từ các năm trước nhưng năm nay được ghi giảm (hoàn nhập), theo nguyên tắc:

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm, kế toán chỉ ghi nhận bổ sung số thuế thu nhập hoãn lại phải trả là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh lớn hơn số được hoàn nhập trong năm;

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm, kế toán chỉ ghi giảm (hoàn nhập) số thuế thu nhập hoãn lại phải trả là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh nhỏ hơn số được hoàn nhập trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm không liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu phải được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm.

Kế toán phải ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế không còn ảnh hưởng tới lợi nhuận tính thuế (khi tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán).

Việc bù trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ thực hiện khi lập Bảng cân đối kế toán, không thực hiện khi ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trên sổ kế toán.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp. Không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kể toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

11.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

13.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

13.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13.4 Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

14.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

14.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

350117
CÔNG
CH NHIỆM
CH VỤ T
CHÍNH K
À KIỂM
PHIÁN
- TP.H

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

14.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, giá vốn còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Đối với kinh doanh bất động sản, khi chưa tập hợp được đầy đủ hồ sơ, chứng từ về các khoản chi phí liên quan trực tiếp tới việc đầu tư, xây dựng bất động sản nhưng đã phát sinh doanh thu nhượng bán bất động sản, được trích trước một phần chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán. Khi tập hợp đủ hồ sơ, chứng từ hoặc khi bất động sản hoàn thành toàn bộ, thì phải quyết toán số chi phí đã trích trước vào giá vốn hàng bán. Phần chênh lệch giữa số chi phí đã trích trước cao hơn số chi phí thực tế phát sinh được điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán của kỳ thực hiện quyết toán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Chỉ được trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng và phải thuyết minh chi tiết lý do, nội dung chi phí trích trước cho từng hạng mục công trình trong kỳ.
- Chỉ được trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành, được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn

hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (được xác định theo diện tích).

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

khoản; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

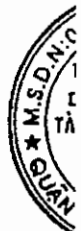
Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

18.1 Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18.2 Thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

501172
CÔNG T
THUẾ NH
VỤ TƯ
TÍNH KẾ
KIỂM T
HÓA NA
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tiền mặt	253.570.417	10.104.625
* Tiền gửi ngân hàng	627.130.706	114.968.880.872
+ Tiền gửi ngân hàng Việt Nam đồng	627.130.706	114.747.379.157
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	109.909.717	57.607.180.244
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	55.842.736	52.633.455.856
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Tp. Vũng Tàu	13.271.286	206.063.680
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Bà Rịa	12.906.775	90.569.687
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Vũng Tàu	9.922.298	9.969.406
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Vũng Tàu	107.032.173	4.195.089.213
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	318.245.721	5.051.071
+ Tiền gửi ngoại tệ (USD)		221.501.715
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Bà Rịa - Vũng Tàu (# 10,360,23 USD)		221.501.715
* Các khoản tương đương tiền	292.000.000.000	229.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân Việt Nam	30.000.000.000	11.000.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Bà Rịa Vũng Tàu	232.000.000.000	218.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	30.000.000.000	
Cộng	292.880.701.123	343.978.985.497

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm				Số đầu năm		
	Số lượng CP	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn							
* Ngắn hạn		614.000.000.000	614.000.000.000		629.000.000.000	629.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn		614.000.000.000	614.000.000.000		629.000.000.000	629.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH NN và PTNT Việt Nam - CN Vũng Tàu					79.000.000.000	79.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại NH NN và PTNT Việt Nam - CN Vũng Tàu		74.000.000.000	74.000.000.000				
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH NN và PTNT Việt Nam - CN Bà Rịa		10.000.000.000	10.000.000.000		160.000.000.000	160.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại NH NN và PTNT Việt Nam - CN Bà Rịa		50.000.000.000	50.000.000.000				
- Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại NH NN và PTNT Việt Nam - CN Bà Rịa		100.000.000.000	100.000.000.000				
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH TMCP An Bình - CN Bà Rịa					60.000.000.000	60.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)		50.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Công ty CP Tài Chính Điện Lực		80.000.000.000	80.000.000.000		80.000.000.000	80.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Công ty CP Tài Chính Điện Lực		50.000.000.000	50.000.000.000				
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH TMCP Quốc Dân Việt Nam		50.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng CP	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH TMCP Đại Chúng Việt Nam,		50.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại NH TMCP Đại Chúng Việt Nam		50.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại NH XNK Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu		30.000.000.000	30.000.000.000		30.000.000.000	30.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại NH TMCP Việt Nam Thương Tín - CN Bà Rịa - Vũng Tàu		20.000.000.000	20.000.000.000		20.000.000.000	20.000.000.000	
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
* Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		83.750.000.000	83.750.000.000				
- Công ty Cổ Phần Thủy Điện Buôn Đôn (chiếm 25%/ vốn điều lệ)	8.375.000	83.750.000.000	83.750.000.000				
* Đầu tư vào đơn vị khác		273.500.927.800	219.385.910.772	(54.115.017.028)	357.250.927.800	345.370.855.006	(11.880.072.794)
- Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Hải Phòng (chiếm 2%/ vốn điều lệ)	10.000.000	108.730.000.000	108.730.000.000		108.730.000.000	108.730.000.000	
- Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Quảng Ninh (chiếm 2,3%/ vốn điều lệ)	10.348.327	114.770.927.800	60.655.910.772	(54.115.017.028)	114.770.927.800	102.890.855.006	(11.880.072.794)
- Công ty Cổ Phần Thủy Điện Buôn Đôn (chiếm 25%/ vốn điều lệ)	8.375.000				83.750.000.000	83.750.000.000	
- Công ty Cổ Phần Phú Thạnh Mỹ (chiếm 15,15 %/ vốn điều lệ)	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000	
Cộng		971.250.927.800	917.135.910.772	(54.115.017.028)	986.250.927.800	974.370.855.006	(11.880.072.794)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG*** Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

- Công ty Mua Bán Điện Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam

- Cán bộ Công Nhân viên, khách vãng lai

- Trường THCS Trần Đại Nghĩa

- Công ty TNHH Thiết bị xa bờ OS

- Công ty TNHH Tháo Nguyên

- Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc

- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu (Eximbank)

- Chi nhánh điện Bà Rịa

- Sở Y tế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

- Trung tâm GTTX dạy nghề GTVL Tp.Vũng Tàu

- Công ty TNHH PosCo Việt Nam

- Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Giang

- Công ty TNHH Cơ Điện Minh Anh

- Công ty Năng Lượng Mekong

- CN Công ty Cổ phần Kết cấu KL & Lắp máy DK - XN Xây lắp 2

- CN Công ty Cổ phần Kết cấu KL & Lắp máy DK - XN Xây lắp 3

- Công ty TNHH Xuân Thiện

- Công ty TNHH Táo Khuyết - Bà Rịa

- Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm Bà Rịa - Vũng Tàu

- CN Tổng Công ty Khí VN - Công ty Cổ Phần - Công ty DV khí

- Công ty Điện Lực TNHH - BOT - Phú Mỹ 3

- Công ty TNHH Cấp nước Tóc Tiên - H.Tân Thành

- Công ty TNHH MTV Phân Bón Dầu Khí Cà Mau

- Trường Cao đẳng Sư Phạm Bà Rịa

- Trường THCS Kim Đồng

- Trường THPT Trần Hưng Đạo - Tân Thành

- Tổng Công ty Phát Điện 2

- CN Ngân Hàng Nông nghiệp & PTNT - huyện Tân Thành

- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân

- Công ty TNHH Hằng Nguyên

- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Vũng Tàu

- Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
493.115.710.901	367.935.726.426
492.182.457.814	364.462.786.199
22.915.800	36.121.200
420.000	420.000
1.820.000	1.300.000
	3.000.000
744.000	240.000
	260.000
1.116.000	996.000
1.806.000	2.455.000
	4.468.000
	12.100.000
361.198.599	361.198.599
	800.000.000
165.286.000	
13.920.000	11.760.000
3.720.000	10.380.000
	854.156.468
	240.000
	205.000
	628.059.960
115.500.000	105.875.000
520.000	715.000
	627.495.000
	2.365.000
	690.000
	3.000.000
	5.500.000
650.000	
188.164.688	
53.900.000	
1.212.000	
360.000	
493.115.710.901	367.935.726.426

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

* Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Bảo Đầu Thầu

- Công ty TNHH TM - DV Nam Kinh

- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây dựng Điện 3

- Văn phòng Công nhận chất lượng

Cộng**Số cuối năm****Số đầu năm**

1.198.676.500

110.000

110.000

934.920.000

241.756.500

22.000.000

1.198.676.500

110.000

5. PHẢI THU KHÁC**Số cuối năm****Số đầu năm****Giá gốc****Dự phòng****Giá gốc****Dự phòng**

* Phải thu ngắn hạn khác

25.738.358.996

27.380.672.342

+ Phải thu khác

25.730.358.996

27.153.535.346

- Viện cơ khí Bộ Công Nghiệp

1.255.278

1.255.278

- Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Thủ Đức

187.027.760

- Chi phí khảo sát các công trình dịch vụ ngoài

59.188.578

- Trần Ngọc Hương

449.825

- Khác

2.787.067

- Lãi tiền gửi phải thu (các hợp đồng gửi tiền)

25.539.288.891

27.092.641.665

+ *Tạm ứng*

8.000.000

30.739.845

- Bùi Thị Thanh Loan

739.845

- Thân Đức Vinh

3.000.000

- Võ Tiến Dũng

30.000.000

- Lưu Thị Thu Huyền

5.000.000

+ *Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn*

196.397.151

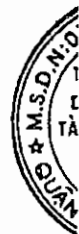
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

196.397.151

Cộng

25.738.358.996

27.380.672.342



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
* Công nợ phải thu khó đòi						
- Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Giang	Từ 2 đến 3 năm	252.839.019	108.359.580			
Cộng		252.839.019	108.359.580			

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	162.516.607.944	(8.979.843.700)	157.947.089.279	(8.979.843.700)
- Công cụ, dụng cụ	113.097.691		104.557.529	
- Thành phẩm	55.668.023		45.736.878	
- Chi phí Sản xuất, kinh doanh dở dang	868.476.541			
Cộng	163.553.850.199	(8.979.843.700)	158.097.383.686	(8.979.843.700)

8. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Xây dựng cơ bản dở dang	3.957.034.333	
- Mua sắm	3.500.000.000	
- Sửa chữa lớn TSCĐ	457.034.333	
Cộng	3.957.034.333	

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	91.978.343.798	2.198.285.866.593	30.314.260.487	25.285.712.557	2.345.864.183.435
- Mua trong năm		19.368.228.600	972.454.545	378.400.000	20.719.083.145
- Cải tạo sửa chữa				15.584.489.972	15.584.489.972
- Đầu tư XDCB hoàn thành	236.122.729				236.122.729
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	92.214.466.527	2.217.654.095.193	31.286.715.032	41.248.602.529	2.382.403.879.281
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	56.807.508.956	2.129.462.748.991	27.221.962.229	24.416.546.420	2.237.908.766.596
- Khấu hao trong năm	3.167.924.186	49.300.955.926	643.100.226	6.363.237.821	59.475.218.159
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	59.975.433.142	2.178.763.704.917	27.865.062.455	30.779.784.241	2.297.383.984.755
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	35.170.834.842	68.823.117.602	3.092.298.258	869.166.137	107.955.416.839
2. Tại ngày cuối năm	32.239.033.385	38.890.390.276	3.421.652.577	10.468.818.288	85.019.894.526

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.011.117.583		877.947.256		3.889.064.839
- Mua trong năm					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	3.011.117.583		877.947.256		3.889.064.839
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.011.117.583		620.007.907		3.631.125.490
- Khấu hao trong năm			221.357.381		221.357.381
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	3.011.117.583		841.365.288		3.852.482.871
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm			257.939.349		257.939.349
2. Tại ngày cuối năm			36.581.968		36.581.968

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a- Chi phí trả trước ngắn hạn**

- Công cụ, dụng cụ phân bổ

b- Chi phí trả trước dài hạn

- Công cụ, dụng cụ sản xuất chờ phân bổ

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
448.271.013	362.616.369
448.271.013	362.616.369
263.630.860	568.673.197
263.630.860	568.673.197
<u>711.901.873</u>	<u>931.289.566</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Vay ngắn hạn	48.029.059.945	48.029.059.945	58.054.230.008	89.188.677.822	79.163.507.759	79.163.507.759
- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (# 2.498.910.507 Won) (a)	48.029.059.945	48.029.059.945	57.712.338.160	54.038.939.714	44.355.661.499	44.355.661.499
- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (# 1.628.056,42 USD) (b)			341.891.848	35.149.738.108	34.807.846.260	34.807.846.260

(a) Đây là khoản vay dài hạn đến hạn trả cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 2015/EVN-BARIA/EDCF ngày 01/9/2015 với tổng mức nợ vay đến ngày 01/01/2015 là 32.485.836.581 Won; kế thừa hợp đồng vay vốn ODA số 21/TNDN ngày 20/12/2004 giữa Chi nhánh Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Ngân Hàng Phát Triển Bà Rịa- Vũng Tàu) và Nhà máy điện Bà Rịa (Nay là Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa) với tổng tổng mức nợ vay là 49.978.210.130 Won. Khoản vay này từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc - EDCF cho mục đích thực hiện dự án Đuôi Hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa; Thời hạn cho vay lại là 13 năm, lãi suất 2,4 %/ năm.

(b) Đây là khoản vay dài hạn đến hạn trả Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam vay từ nguồn vốn vay Ngân Hàng Thế Giới cho Công ty CP Nhiệt Điện Bà Rịa vay theo hợp đồng cho vay lại số 10/2007/EVN-BTP/TCKT ngày 31/10/2007, số tiền vay theo hợp đồng là 24.045.481,42 USD để đầu tư xây dựng dự án đuôi hơi 306-1 Bà Rịa với mục đích đầu tư tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh , thời hạn vay 8 năm, lãi suất 7,1 %/ năm (lãi suất thay đổi khi chi phí cố định trong giá mua điện của hợp đồng mua bán điện số 01-2006/BRPC-EVN ngày 27/12/2006 thay đổi, hình thức đảm bảo tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay).

b- Vay dài hạn	528.319.659.197	528.319.659.197	125.645.220.250	129.593.498.867	532.267.937.814	532.267.937.814
- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (# 29.986.926.074 Won)	528.319.659.197	528.319.659.197	125.645.220.250	129.593.498.867	532.267.937.814	532.267.937.814
Cộng	576.348.719.142	576.348.719.142	183.699.450.258	218.782.176.689	611.431.445.573	611.431.445.573

Đây là khoản vay dài hạn phải trả cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 2015/EVN-BARIA/EDCF ngày 01/9/2015 với tổng mức nợ vay đến ngày 01/01/2015 là 32.485.836.581 Won; kế thừa hợp đồng vay vốn ODA số 21/TNDN ngày 20/12/2004 giữa Chi nhánh Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Ngân Hàng Phát Triển Bà Rịa- Vũng Tàu) và Nhà máy điện Bà Rịa (Nay là Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa) với tổng tổng mức nợ vay là 49.978.210.130 Won Khoản vay này từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc - EDCF cho mục đích thực hiện dự án Đuôi Hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa; Thời hạn cho vay lại là 13 năm, lãi suất 2,4 %/ năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Phải trả người bán ngắn hạn	234.684.108.257	234.684.108.257	277.509.409.493	277.509.409.493
- Công ty cấp nước Bà Rịa Vũng Tàu	240.313.500	240.313.500	171.157.260	171.157.260
- Công ty Cổ Phần hữu hạn Vedan Việt Nam	26.057.350	26.057.350	52.980.510	52.980.510
- Công ty SX và chế biến KD các SP khí	209.354.857.158	209.354.857.158	274.954.925.657	274.954.925.657
- Công ty TNHH DV Xây Dựng Thành Huy			8.183.263	8.183.263
- Công ty TNHH MTV TB và Kỹ Thuật Khánh Linh			4.744.422	4.744.422
- Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật Mê Kông			401.820.000	401.820.000
- Công ty TNHH TM Kỹ Thuật Tri Việt			393.768.848	393.768.848
- Công ty TNHH TM và DV Thanh An	986.884.492	986.884.492	479.083.387	479.083.387
- Trung Tâm Công Nghệ Thông Tin	41.187.215	41.187.215	25.687.885	25.687.885
- Cây Xăng Bà Rịa			12.543.500	12.543.500
- Công ty Cổ Phần Hoàng Hà	2.587.563	2.587.563	2.587.563	2.587.563
- Công ty Cổ Phần TM Kỹ thuật Hải Anh	14.784.000	14.784.000	629.168.640	629.168.640
- Công ty TNHH Bảo An Đoàn Kết			145.463.991	145.463.991
- Công ty TNHH CN Kỹ thuật xử lý nước Trung Diệp Tín			4.483.500	4.483.500
- Công ty TNHH Công Nghiệp Thiên Việt	74.848.500	74.848.500	1.045.000	1.045.000
- Công ty TNHH SX XD TM Quốc Kim	3.487.000	3.487.000	3.487.000	3.487.000
- Công ty TNHH TM DV Lê Hùng Sao Mai	17.318.367	17.318.367	17.318.367	17.318.367
- Nhà Máy Hóa Chất Biên Hòa (Công ty Hoá chất cơ bản Miền Nam)			47.247.200	47.247.200
- Phòng khám bệnh đa khoa - TTYT MT LĐ Công Thương			39.011.000	39.011.000
- Viện cơ khí năng lượng và Mỏ	114.702.500	114.702.500	114.702.500	114.702.500
- Công ty TNHH Xuân Thiên	18.357.174.000	18.357.174.000		
- Công ty TNHH Cơ điện Minh Anh	3.850.000.000	3.850.000.000		
- Công ty TNHH KT Tự Động hoá VINA	445.088.600	445.088.600		
- Công ty TNHH TM Phúc Lộc TP HCM (Mua Thiết Bị)	394.437.130	394.437.130		
- Tổng Công ty Dung Dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí	248.950.993	248.950.993		



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

- Công ty TNHH MTV TM XD Hoàng Anh Khoa	292.214.841	292.214.841		
- Công ty TNHH Một Thành Viên - TCT Phát điện 3 (Genco3)	133.100.000	133.100.000		
- Công ty TNHH TM DV DL Hạnh Dung	47.644.000	47.644.000		
- Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Điện Tự động Biển Đông	27.366.548	27.366.548		
- Công ty TNHH Điện Tử Vi Tính Bách Khoa	6.050.000	6.050.000		
- Công ty TNHH Năng Lượng Liên Minh	5.054.500	5.054.500		
Cộng	234.684.108.257	234.684.108.257	277.509.409.493	277.509.409.493

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

- * Người mua trả tiền trước ngắn hạn
- Trường THCS Lê Quang Cường - Bà Rịa

Cộng	Số cuối năm	Số đầu năm
	240.000	
	240.000	
	240.000	

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm		Số phát sinh trong năm		Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
I. Thuế	5.832.402.010	13.820.758.781	71.392.048.602	56.344.700.451	8.652.734.237	31.688.439.159
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.633.092.905		34.707.588.910	36.246.632.226	6.172.136.221	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		13.820.758.781	34.276.784.878	16.409.104.500		31.688.439.159
- Thuế thu nhập cá nhân	1.199.309.105		1.376.620.090	2.657.909.001	2.480.598.016	
- Tiền thuê đất phi nông nghiệp			20.608.224	20.608.224		
- Tiền thuê đất			1.007.446.500	1.007.446.500		
- Thuế môn bài			3.000.000	3.000.000		
Cộng	5.832.402.010	13.820.758.781	71.392.048.602	56.344.700.451	8.652.734.237	31.688.439.159

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Lương phải trả công nhân viên

Cộng**Số cuối năm**

25.389.894.262

Số đầu năm

19.866.123.737

25.389.894.262**19.866.123.737****17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

* Chi phí phải trả ngắn hạn

- Lãi vay phải trả

Cộng**Số cuối năm**

1.771.502.453

Số đầu năm

2.179.515.977

1.771.502.453

2.179.515.977

1.771.502.453**2.179.515.977****18. PHẢI TRẢ KHÁC**

* Phải trả ngắn hạn khác

- Các đối tượng khác

- Thuế thu nhập CBCNV tạm thu

- Công ty TNHH Kỹ thuật TM DV Phú Mỹ

- Tiền thu lao thu thuế thu nhập phải trả

- Nguyễn Thành Công

- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Thù lao thuế GTGT

- Công ty Cổ phần Tân Thành Đô City Ford

- Trần Anh Tuấn

- Trương Đức Hải

- Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Bà Rịa

- Sở Y tế Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

- Trung Tâm GDTX Dạy nghề & GTVL

- Kinh phí công đoàn

- Thu tiền nước, điện CBCNV

- Quỹ bảo trợ xã hội

- Công ty TNHH Cấp nước Tóc Tiên

- Bánh canh Long Hương

- Quán Trống Mái

- Quán Sông Rạch Hào

- Trường mầm non Vành Khuyên

- Công ty TNHH Cơ điện Minh Anh

- Công ty TNHH Táo Khuyết Bà Rịa

- Quán Lý Tường-(thể chân vô bình)

- Trường THCS Tân Hưng

- Nguyễn Văn Du

- CN Công ty Cổ phần Kết cấu KL & Lắp máy DK - XN Xây lắp 2, 3

- Chi cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm Bà Rịa

- Trần Văn Thám

- Cổ tức Công ty Cổ phần Tài chính điện lực

- Cổ tức phải trả các cổ đông

Số cuối năm

4.856.433.533

Số đầu năm

4473477849

4.883.346

34.949.503

1.513.765.880

1.386.185.160

9.338.450

9.338.450

1.268.701

1.268.701

1.800.000

1.200.000

1.200.000

800.000

1.029.785

1.029.785

1.200.000

1.200.000

800.000

800.000

800.000

800.000

800.000

1.200.000

800.000

800.000

800.000

800.000

23.546.710

23.368.460

80.116.187

55.872.112

110.910.444

600.000

600.000

600.000

1.000.000

1.200.000

400.000

400.000

1.000.000

400.000

400.000

400.000

400.000

600.000

1.000.000

1.200.000

800.000

6.000.000

6.000.000

400.000

680.000

1.000.000

1.400.000

259.350

259.350

3.099.977.880

2.510.458.320

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (Hệ thống Scada)		199.209.442
- Cổ tức Công ty Cổ phần Bất Động Sản Điện Lực Miền Trung	3.684.840	3.684.840
- Nguyễn Đình Hoàng	4.200.000	4.200.000
- Tập hóa Phong Nguyên	1.800.000	1.800.000
- Công ty TNHH Kỹ thuật P.T	5.884.890	5.884.890
- Công ty TNHH Manson		9.500.000
- Công ty TNHH TM Kỹ Thuật Tri Việt	19.688.443	19.688.443
- Phòng Giáo Dục Đào Tạo TP.Bà Rịa	280.000	400.000
- Trích nộp 20% BHXH	22.926.174	73.589.949
- Công ty TNHH Kỹ Thuật và TM Trung Việt	25.000.000	
- Công ty TNHH MTV TM XD Hoàng Anh Khoa	8.782.897	
- Ngân hàng Nông Nghiệp Tân Thành, Vũng Tàu	1.800.000	
- Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam	1.400.000	
- Công ty TNHH cơ khí Tân Thành, Công ty Cổ Phần LH	1.200.000	
- Công ty TNHH SX linh kiện CK Formosa	1.200.000	
- Công ty TNHH Táo Khuyết BR, Bích Câu	1.200.000	
- Quán Trống Mái, Tập hoá Quyên, Võ Thanh Sơn	1.200.000	
- Ngân Hàng TMCP Đông Nam Á	1.000.000	
- Công ty Cổ Phần Y Bình An	600.000	

Cộng**4.856.433.533****4.473.477.889****19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

- Dự phòng sửa chữa lớn - đại tu GT4
- Dự phòng sửa chữa lớn - trùng tu lò 4

Cộng**Số cuối năm****Số đầu năm**

45.787.000.000

4.151.670.000

49.938.670.000**20. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

- * Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại

20%

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

49.938.670.000

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

9.987.734.000

Cộng**9.987.734.000****21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH**

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban điều hành

Cộng**Số cuối năm****Số đầu năm**

7.414.924.661

10.705.165.070

7.414.924.661**10.705.165.070**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	604.856.000.000	7.560.228.689	40.280.487.684	11.199.604.550	298.452.726.033	962.349.046.956
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi trong năm trước					133.513.258.884	133.513.258.884
- Tăng khác			10.731.015.512	3.041.651.702		13.772.667.214
- Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác				261.533.340	71.598.399.173	71.859.932.513
Số dư đầu năm nay	604.856.000.000	7.560.228.689	51.011.503.196	13.979.722.912	360.367.585.744	1.037.775.040.541
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay					95.979.151.188	95.979.151.188
- Tăng khác			24.088.173.355	6.325.042.464		30.413.215.819
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác (*)				286.868.237	103.217.064.069	103.503.932.306
Số dư cuối năm nay	604.856.000.000	7.560.228.689	75.099.676.551	20.017.897.139	353.129.672.863	1.060.663.475.242

Ghi chú: (*) Giảm khác của Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị Quyết 530/NQ-NĐBR-ĐHĐCĐ ngày 26/5/2015:

	Số tiền
- Cổ tức 2014	60.485.600.000
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2014	24.088.173.355
- Trích Quỹ khen thưởng năm 2014	4.927.000.000
- Trích Quỹ phúc lợi năm 2014	7.391.248.250
- Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ năm 2014	6.022.043.339
- Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2014	302.999.125
Cộng	103.217.064.069



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

b/ Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Công ty mẹ	80%	481.235.570.000	481.235.570.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	20%	123.620.430.000	123.620.430.000
Cộng	100%	604.856.000.000	604.856.000.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	604.856.000.000	604.856.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	604.856.000.000	604.856.000.000

- Cổ tức lợi nhuận đã chia

60.485.600.000	48.005.790.200
----------------	----------------

d/ Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.485.600	60.485.600
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	60.485.600	60.485.600
+ Cổ phiếu phổ thông	60.485.600	60.485.600
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.485.600	60.485.600
+ Cổ phiếu phổ thông	60.485.600	60.485.600
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

e/ Các quỹ của doanh nghiệp

95.117.573.690	64.991.226.108
75.099.676.551	51.011.503.196
20.017.897.139	13.979.722.912

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*** Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD		10,360.23
Cộng		10,360.23

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	1.826.039.945.804	2.090.402.890.462
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.940.874.009	10.564.326.775
Cộng	1.830.980.819.813	2.100.967.217.237

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.638.238.591.600	1.961.601.137.031
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.578.795.935	8.400.362.222
Cộng	1.641.817.387.535	1.970.001.499.253

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

Năm nay	Năm trước
54.176.459.284	65.430.931.091
10.187.500.000	18.062.500.000
2.363.966.484	65.757.780
84.962.957.212	51.871.729.604
151.690.882.980	135.430.918.475

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lỗ do trích lập dự phòng
- Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư

Cộng

Năm nay	Năm trước
15.255.655.479	20.341.446.148
38.105.382	4.811.654.656
135.632.906.655	38.799.337.494
42.234.944.234	(729.746.635)
193.161.611.750	63.222.691.663

5. THU NHẬP KHÁC

- Thu nhập từ việc thanh lý tài sản
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng
- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
	179.804.143
49.272.558	244.294.556
475.458.394	186.188.848
524.730.952	610.287.547

6. CHI PHÍ KHÁC

- Tiền phạt
- Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
74.654	135.942.765
13.436.364	51.118.910
13.511.018	187.061.675

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí bằng tiền khác
- Chi phí bán hàng khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
1.461.685	7.506.562
37.819.063	3.215.045
148.756.748	220.711.646
188.037.496	231.433.253

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
15.963.044.674	17.933.550.739
273.986.578	350.814.975
242.547.642	373.873.973
1.304.225.514	1.581.937.040
1.220.231.365	534.367.894
252.839.019	8.824.252.199
1.603.126.608	1.198.526.783
3.288.921.370	2.573.361.091
3.598.761.110	3.623.879.771
27.747.683.880	36.994.564.465

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
1.484.239.894.222	1.788.506.952.027
67.578.289.290	66.286.086.837
59.696.575.540	114.500.248.003
2.507.304.014	2.184.348.950
57.330.511.283	35.966.482.370
1.671.352.574.349	2.007.444.118.187

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay

Cộng

Năm nay	Năm trước
31.054.345.211	32.839.166.839
3.222.439.667	18.747.227
34.276.784.878	32.857.914.066

10. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng

Năm nay	Năm trước
565.200.000	428.880.000
565.200.000	428.880.000

11. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM

- + Tổng lợi nhuận trước thuế
- + Các khoản điều chỉnh tăng
- + Các khoản điều chỉnh giảm
- + Tổng thu nhập chịu thuế năm nay
- + Thuế TNDN phải nộp năm nay
- + Thuế TNDN được miễn, giảm
- + Thuế TNDN bổ sung các năm trước
- + Thuế TNDN còn phải nộp
- + Thuế TNDN hoãn lại
- + Lợi nhuận sau thuế TNDN

Năm nay	Năm trước
120.268.202.066	166.371.172.950
50.262.744.654	960.267.229
24.834.953.032	18.062.500.000
145.695.993.688	149.268.940.179
31.054.345.211	32.839.166.839
3.222.439.667	18.747.227
34.276.784.878	32.857.914.066
(9.987.734.000)	
95.979.151.188	133.513.258.884

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm nay	Năm trước
95.979.151.188	133.513.258.884
	12.318.248.250
95.979.151.188	121.195.010.634
60.485.600	60.485.600
1.587	2.004

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG**1- Giao dịch giữa các bên liên quan:**

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số phát sinh	Số dư tại ngày 31/12/2015	
				Phải thu	Phải trả
- Tập đoàn điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của Tổng công ty Phát điện 3	Vay và nợ ngắn hạn			48.029.059.945
		Vay dài hạn			528.319.659.197
		Hệ thống Scada	(199.209.442)		
		Lãi vay đã trả	15.643.645.425		
		Lãi vay phải trả			1.613.776.414
		Thanh toán gốc vay	83.426.193.048		
		Chi cổ tức	48.123.557.000		
- Công ty Mua bán điện	Cùng tập đoàn	Phải thu tiền bán điện	2.082.453.227.648	492.182.457.814	
		Số tiền đã thu	1.886.209.703.764		
- Tổng Công ty phát điện 3	Công ty mẹ	Dịch vụ thí nghiệm			110.000.000
		Dịch vụ lọc dầu			23.100.000

* Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Các khoản thu nhập phát sinh của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm 2015:

Chức vụ	Nội dung	Số người	Số tiền (VND)
Chủ tịch HĐQT	Tiền lương	1	544.230.000
Tổng Giám đốc	Tiền lương	1	523.600.000
Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	2	928.670.000
Kế toán trưởng	Tiền lương	1	423.070.000
Hội đồng quản trị	Thù lao		331.200.000
Trực tiếp tham gia hoạt động SXKD		2	165.600.000
Không trực tiếp tham gia hoạt động SXKD		2	165.600.000
Ban kiểm soát	Thù lao		234.000.000
Trực tiếp tham gia hoạt động SXKD		1	75.600.000
Không trực tiếp tham gia hoạt động SXKD		2	158.400.000

2- Về báo cáo bộ phận:

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng.

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi toàn quốc.

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận.

Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc và chủ yếu là hoạt động kinh doanh điện với doanh thu chiếm trên 99% nên không lập báo cáo bộ phận.

3- Báo cáo về Công cụ tài chính:

* Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty.

* Các chính sách kế toán chủ yếu

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và Thuyết minh các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

* Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	292.880.701.123	343.978.985.497	292.880.701.123	343.978.985.497
Phải thu khách hàng và phải thu khác	518.854.069.897	395.089.261.772	518.601.230.878	395.089.261.772
Đầu tư ngắn hạn	614.000.000.000	629.000.000.000	614.000.000.000	629.000.000.000
Đầu tư dài hạn	357.250.927.800	357.250.927.800	303.135.910.772	345.370.855.006
Tài sản tài chính khác				
Tổng Cộng	1.782.985.698.820	1.725.319.175.069	1.728.617.842.773	1.713.439.102.275
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	576.348.719.142	611.431.445.573	576.348.719.142	611.431.445.573
Phải trả người bán và phải trả khác	239.540.541.790	281.982.887.342	239.540.541.790	281.982.887.342
Phải trả người lao động	25.389.894.262	19.866.123.737	25.389.894.262	19.866.123.737
Chi phí phải trả	1.771.502.453	2.179.515.977	1.771.502.453	2.179.515.977
Tổng Cộng	843.050.657.647	915.459.972.629	843.050.657.647	915.459.972.629

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị má công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc 31/12/2015 do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31/12/2015.

* Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng:

Các khoản phải thu khách hàng đều được khách hàng trả trước nên đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng:

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

* Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty hiện tại không do Công ty có nguồn tiền có thể đáp ứng được cho các khoản thanh toán.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng Cộng
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	292.880.701.123		292.880.701.123
Phải thu khách hàng và phải thu khác	518.854.069.897		518.854.069.897
Đầu tư ngắn hạn	614.000.000.000		614.000.000.000
Đầu tư dài hạn		303.135.910.772	303.135.910.772
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	1.425.734.771.020	303.135.910.772	1.728.870.681.792
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	343.978.985.497		343.978.985.497
Phải thu khách hàng và phải thu khác	395.089.261.772		395.089.261.772
Đầu tư ngắn hạn	629.000.000.000		629.000.000.000
Đầu tư dài hạn		345.370.855.006	345.370.855.006
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	1.368.068.247.269	345.370.855.006	1.713.439.102.275

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

*** Quản lý rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác. Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần.

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái.

Phần lớn phát sinh ngoại tệ chủ yếu là do các khoản công nợ phải thu và các khoản công nợ này của Công ty được đã được khách hàng thanh toán trước.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu là liên quan đến các khoản vay. Công ty phát sinh khoản vay có nguồn vốn ODA nên rủi ro lãi suất là không cao.

Rủi ro về giá khác:

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỉ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính công ty.

5- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

*** Trình bày lại số liệu đầu năm theo Thông tư 200/2014 ngày 22 tháng 12 năm 2014.**

- Trích bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đầu năm		
		Theo báo cáo kiểm toán năm 2014	Điều chỉnh theo TT 200/2014	Trình bày lại
TÀI SẢN		27.380.672.342		27.380.672.342
1. Phải thu ngắn hạn khác	136	27.153.535.346	227.136.996	27.380.672.342
2. Tài sản ngắn hạn khác	155	227.136.996	(227.136.996)	
NGUỒN VỐN		51.011.503.196		51.011.503.196
1. Quỹ đầu tư phát triển	417	27.792.901.471	23.218.601.725	51.011.503.196
2. Quỹ dự phòng tài chính	418	23.218.601.725	(23.218.601.725)	
TỔNG CỘNG		78.392.175.538		78.392.175.538

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước		
		Theo báo cáo kiểm toán năm 2014	Điều chỉnh theo TT 200/2014	Trình bày lại
1. Thu nhập khác	31	1.429.983.404	819.695.857	610.287.547
2. Chi phí khác	32	1.006.757.532	819.695.857	187.061.675

Chữ ký, đóng dấu)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)





Nguyễn Tiến Dũng

A circular official stamp from the Ministry of Education and Training of Vietnam. The outer ring contains the text "P.C.T.I.N.H.H" at the top and "CHÍ MINH" at the bottom, separated by two stars. Inside the ring, the words "HẠNH", "VĂN", "TOÀN", and "ÁN" are arranged vertically.